

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 21-01-2026
V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lựu và ông Nguyễn Văn Xô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 164/2025/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 08-8-1984. Số căn cước: 030184019357. Ngày cấp: 18-9-2024. Nơi cấp: Bộ C1.

Địa chỉ: Thôn V, xã A, thành phố Hải Phòng

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh ngày 07-4-1984. Số căn cước: 030084008907. Ngày cấp: 08-01-2025. Nơi cấp: Bộ C1.

Địa chỉ: Thôn V, xã A, thành phố Hải Phòng

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt có đề nghị xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn T được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã A - thành phố Hải Phòng) vào ngày 30-5-2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, nhiều lần anh T còn đánh đập chị và các con, bản thân chị đã nhẫn nhịn để giữ gìn mái ấm gia đình nhưng đến nay chị càng nhẫn nhịn thì anh T càng hành hung, xúc phạm chị. Do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 8-2025 đến nay. Do vậy anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh T cũng chưa lần nào nói chuyện để vợ chồng hoà giải đoàn tụ. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Duy C, sinh ngày 05-5-2008, Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 08-11-2012, Trần Tiến Đ, sinh ngày 23-11-2021. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng anh T và ông bà nội. Chị có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và giao cháu C, cháu Q cho anh T nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập một tháng khoảng 8.000.000 đồng. Chị không đồng ý cho anh T nuôi dưỡng cả 3 cháu.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị H và anh đề nghị tòa án tiến hành hòa giải, khuyên chị H về chung sống với anh, còn anh không đến Tòa án làm việc. Nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh để chị H tự giải quyết. Anh bận công việc nên không đến Tòa án để làm việc và chị H có yêu cầu xin ly hôn thì tự chị H giải quyết. Anh T xin được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như sau này Tòa án giải quyết vụ án đưa ra xét xử.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Trần Duy C, sinh ngày 05-5-2008, Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 08-11-2012, Trần Tiến Đ, sinh ngày 23-11-2021. Anh có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh làm lao động tự do thu nhập khoảng 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra anh còn có bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T. Về con chung chị đồng ý giao cả 3 cháu Trần Duy C, Trần Thị Ngọc Q, Trần Tiến Đ cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bị đơn anh Trần Văn T xin vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của

những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Duy C, sinh ngày 05-5-2008, Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 08-11-2012, Trần Tiến Đ, sinh ngày 23-11-2021 cho anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Trần Văn T. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã A, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) vào ngày 30-5-2007 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị H và anh T cùng xác định hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8-2025. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng thực tế anh chị không hòa giải đoàn tụ được. Xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, hai bên sống ly thân không còn hạnh phúc. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Trần Duy C, sinh ngày 05-5-2008, Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 08-11-2012, Trần Tiến Đ, sinh ngày 23-11-2021. Hiện nay các cháu đang ở cùng với anh T. Nay ly hôn chị H và anh T cùng có nguyện vọng giao cả 3 cháu C, Q, Đ cho anh T nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng nuôi con của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về điều kiện nuôi con của anh T cũng đảm bảo khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng và ổn định cuộc sống cũng như học tập của các cháu. Do vậy áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Duy C, Trần Tiến Đ, Trần Thị Ngọc Q cho anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Duy C, sinh ngày 05-5-2008, Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 08-11-2012, Trần Tiến Đ, sinh ngày 23-11-2021 cho anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/25E số 0002630 ngày 26-9-2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND xã An Thành, thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt